

Bản án số: 98/2019/HS-PT

Ngày: 25/02/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Uyên Thy.

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Minh Châu;
2. Bà Nguyễn Hoàng Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Lê Trọng Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 và 25 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 594/2018/TLPT-HS ngày 27/12/2018, đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Trần Thanh T, Lại Thị Thu T1, Đặng Thị Hồng T2 do có kháng cáo các của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 153/2018/HSST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Văn N**; sinh năm: 1976, tại Bình Dương; giới tính: Nam; Thường trú: 116 khu phố HP, phường HĐ, thị xã TA, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn S (1952) và bà Nguyễn Kim P (1955); Hoàn cảnh gia đình: có vợ và 01 con sinh năm 2000; Tiền án: không; Tiền sự: không;

Nhân thân:

- Năm 1998 bị Tòa án nhân dân thị xã TA, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 94/HSST ngày 16/9/1998, đến ngày 12/01/1999 chấp hành xong hình phạt tù;

- Năm 2002 bị Tòa án nhân dân huyện DT, tỉnh Bình Dương xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 05/HSST ngày 06/02/2002, đến ngày 13/3/2004 chấp hành xong hình phạt tù;

- Năm 2006 bị Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh Bình Dương xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 21/2006/HSST ngày 09/5/2006, đến ngày 17/7/2008 chấp hành xong hình phạt tù;

- Năm 2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 74/2009/HSPT ngày 06/5/2009, đến ngày 12/9/2011 chấp hành xong hình phạt tù;

- Năm 2012 bị Tòa án nhân dân thị xã TA, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 37/2012/HSST ngày 13/3/2012, đến ngày 15/11/2014 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị bắt tạm giam từ ngày 23/3/2017 đến ngày 01/4/2017. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. **Trần Thanh T**, sinh năm: 1981, tại Tây Ninh; Giới tính: Nam; Thường trú: 78 khu phố C, phường A, thị xã TN, tỉnh Tây Ninh; Tạm trú: 66 khu phố ĐN, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M2 (chết) và bà Nguyễn Thị T6 (1946); Hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ, con; Tiền án: không; Tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 27/12/2018 (có mặt).

3. **Lại Thị Thu T1**; sinh năm: 1976, tại Bình Dương; Giới tính: Nữ; Thường trú: 69 khu phố LT, phường LT, thị xã DA, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà Lại Thị H3 (chết); Hoàn cảnh gia đình: có 03 người con (lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2010); Tiền án: không; Tiền sự: không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 28/12/2018 (có mặt).

4. **Đặng Thị Hồng T2**; sinh năm: 1980, tại Tây Ninh; Giới tính: Nữ; Thường trú: 279 khu phố BH, phường BN, thị xã TA, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn L1 và bà Trần Thị D; Hoàn cảnh gia đình: có chồng và 01 con sinh năm 2000; Tiền án: không; Tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án này còn có các bị cáo Huỳnh Ngọc V, Lê Văn T3, Huỳnh Ngọc V1, Nguyễn Thị Thanh T4, Nguyễn Thị R, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Hoàng K, Trịnh Thị Tuyết H, Đào Ngọc M, Lê Thị Kim M1, Nguyễn Thị Hồng T5, Trần Thị H1, Phạm Thị Thanh N1, Phan Thị H2 do các bị cáo không kháng cáo và không có kháng nghị liên quan đến các bị cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ ngày 23/3/2017, Đội Cảnh sát Điều tra tội phạm về trật tự xã hội - Công an huyện Hóc Môn phối hợp với Công an xã NB, huyện Hóc Môn tiến hành kiểm tra bắt quả tang vụ đánh bạc với hình thức đánh bài cào ba lá ăn thua bằng tiền tại nhà số 19 ấp B, xã NB, huyện Hóc Môn do Huỳnh Ngọc V đứng ra tổ chức và lấy tiền xâu. Khi bị bắt quả tang có 15 con bạc tham gia đánh bài, trong đó Nguyễn Thị Thanh T4, Nguyễn Văn N và Huỳnh Ngọc V1 làm cái. Các đối tượng khai nhận tham gia đặt mỗi ván từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng. Khi các con bạc đang tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền, thì công an ập vào bắt giữ và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng với tang vật gồm tổng số tiền sử dụng để đánh bạc của các bị cáo trong vụ án là 17.630.000 đồng, gồm: 8.300.000 đồng tiền thu trên chiếu bạc; 300.000 đồng tiền xâu của Huỳnh Ngọc V; số tiền các con bạc mang theo để đánh bạc gồm Đào Ngọc M 300.000 đồng, Nguyễn Thị R 10.000 đồng, Trịnh Thị Tuyết H 950.000 đồng, Lê Thị Kim M1 1.200.000 đồng, Nguyễn Hoàng K 570.000 đồng, Nguyễn Ngọc L 560.000 đồng, Phan Thị H2 100.000 đồng, Trần Thị H1 1.100.000 đồng, Nguyễn Thị Hồng T5 600.000 đồng, Phạm Thị Thanh N1 350.000 đồng, Lại Thị Thu T1 1.090.000 đồng, Huỳnh Ngọc V1 600.000 đồng, Trần Thanh T 1.600.000 đồng.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 153/2018/HSST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Ngọc V, Nguyễn Văn N, Huỳnh Ngọc V1 và Nguyễn Thị Thanh T4 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; Bị cáo Lê Văn T3 phạm tội “Gá bạc”; Các bị cáo Nguyễn Thị R, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Hoàng K, Trần Thanh T, Trịnh Thị Tuyết H, Đào Ngọc M, Lại Thị Thu T1, Lê Thị Kim M1, Nguyễn Thị Hồng T5, Trần Thị H, Phạm Thị Thanh N1, Phan Thị H2 và Đặng Thị Hồng T2 phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249; các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc V 02 (hai) năm tù. Nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Huỳnh Ngọc V cho Ủy ban nhân dân phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249; các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ tạm giam trước đây từ ngày 23/3/2017 đến ngày 01/4/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249; các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc V1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Huỳnh Ngọc V1 cho Ủy ban nhân dân phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249; các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 và khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T4 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt đề thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đây từ ngày 23/3/2017 đến ngày 01/4/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249; các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T3 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Văn T3 cho Ủy ban nhân dân xã NB, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 và khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị R 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt đề thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đây từ ngày 23/3/2017 đến ngày 01/4/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 và khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt đề thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng K 09 (chín) tháng tù. Nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Hoàng K cho Ủy ban nhân dân phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 và khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt đề thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trịnh Thị Tuyết H 09 (chín) tháng tù. Nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trịnh Thị Tuyết H cho Ủy ban nhân dân phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Đào Ngọc M 09 (chín) tháng tù. Nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đào Ngọc M cho Ủy ban nhân dân phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 và khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lại Thị Thu T1 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt để thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim M1 09 (chín) tháng tù. Nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Thị Kim M1 cho Ủy ban nhân dân phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng T5 09 (chín) tháng tù. Nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Hồng T5 cho Ủy ban nhân dân xã NB, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 và khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt để thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thanh N1 09 (chín) tháng tù. Nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Thị Thanh N1 cho Ủy ban nhân dân xã TH, huyện NH, tỉnh Ninh Thuận giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Phan Thị H2: 09 (chín) tháng tù. Nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phan Thị H2 cho Ủy ban nhân dân xã ET, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 và khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị Hồng T2 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt để thi hành án.

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, nộp phạt sung quỹ Nhà nước và thời hạn kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn N, Trần Thanh T, Lại Thị Thu T1, Đặng Thị Hồng T2 có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn N giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh kinh tế của gia đình bị cáo rất khó khăn, nên xin được giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Trần Thanh T giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày bị cáo là lao động chính trong gia đình và bị cáo đã nộp số tiền phạt là 3.000.000 đồng, nên xin được hưởng án treo.

Bị cáo Lại Thị Thu T1 giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày bị cáo là lao động chính trong gia đình, gia đình khó khăn, nên xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Bị cáo Đặng Thị Hồng T2 giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, chồng bị cáo bị bệnh nên không có khả năng lao động, bị cáo có cha là ông Đặng Văn Liêu có công với Cách mạng và bị cáo đã nộp số tiền phạt là 3.000.000 đồng, nên xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Văn N: Bị cáo rất hối hận về việc làm của mình, xin được hưởng giảm nhẹ hình phạt.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trần Thanh T: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, bị cáo xin được hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Lại Thị Thu T1: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, xin được hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Đặng Thị Hồng T2: Bị cáo rất hối hận về hành vi sai trái của mình suốt thời gian qua, số tiền đánh bạc của bị cáo không nhiều, nên bị cáo chỉ mong được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn N, Trần Thanh T, Lại Thị Thu T1, Đặng Thị Hồng T2 làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Văn N, Trần Thanh T tại phiên tòa cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Ngày 23/3/2017, bị cáo Lê Văn T3 đã đồng ý cho bị cáo Huỳnh Ngọc V thuê nhà của mình tại số 19/18 ấp 2, xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn để bị cáo Huỳnh Ngọc V cùng với các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị Thanh T4, Huỳnh Ngọc V1 tổ chức cho các bị cáo Nguyễn Thị R, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Hoàng K, Trần Thanh T, Trịnh Thị Tuyết H, Đào Ngọc M, Lại Thị Thu T1, Lê Thị Kim M1, Nguyễn Thị Hồng T5, Trần Thị H, Phạm Thị Thanh N1, Phan Thị H2, Đặng Thị Hồng T2 đánh bạc ăn thua bằng tiền, hình thức đánh bài cào ba lá với số tiền thu được tại chiếu bạc khi bị Đội Cảnh sát Điều tra tội phạm về trật tự xã hội - Công an huyện Hóc Môn phát hiện bắt quả tang là 8.300.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Huỳnh Ngọc V, Nguyễn Văn N, Huỳnh Ngọc V1 và Nguyễn Thị Thanh T4 đã cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Hành vi của bị cáo Lê Văn T3 đã cấu thành tội “Gá bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị R, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Hoàng K, Trần Thanh T, Trịnh Thị Tuyết H, Đào Ngọc M, Lại Thị Thu T1, Lê Thị Kim M1, Nguyễn Thị Hồng T5, Trần Thị H, Phạm Thị Thanh N1, Phan Thị H2 và Đặng Thị Hồng T2 đã cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tuyên phạt các bị cáo theo các tội danh và điều luật trên là có căn cứ.

[3] Xét thấy, các bị cáo Nguyễn Văn N, Trần Thanh T, Lại Thị Thu T1, Đặng Thị Hồng T2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn N có nhân thân xấu, nay lại tiếp tục phạm tội, thể hiện bị cáo rất xem thường pháp luật, nên không có cơ sở xem xét cho bị cáo.

Đối với bị cáo Trần Thanh T trình bày gia đình bị cáo đã nộp số tiền phạt là 3.000.000 đồng theo bản án sơ thẩm đã tuyên, đây là nghĩa vụ của bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đối với bị cáo Lại Thị Thu T1 trình bày bị cáo là lao động chính trong gia đình, gia đình bị cáo khó khăn, nhưng không xuất trình tình tiết, chứng cứ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với bị cáo Đặng Thị Hồng T2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, chồng bị cáo bị bệnh nên không có khả năng lao động, bị cáo có cha là ông Đặng Văn Liêu có công với Cách mạng, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để xem xét đối với bị cáo, do đó không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cho bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo. Do điều kiện kinh tế của bị cáo còn khó khăn, nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[4] Các bị cáo Nguyễn Văn N, Trần Thanh T, Lại Thị Thu T1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Đặng Thị Hồng T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Thị Hồng T2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn N, Trần Thanh T, Lại Thị Thu T1, Đặng Thị Hồng T2 và sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Trần Thanh T, Lại Thị Thu T1, Đặng Thị Hồng T2 phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 249; các điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ tạm giam trước đây từ ngày 23/3/2017 đến ngày 01/4/2017.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh T**: 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 27/12/2018.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Lại Thị Thu T1**: 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 28/12/2018.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Đặng Thị Hồng T2** 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường BN, thị xã TA, tỉnh Bình Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường BN, thị xã TA, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo **Đặng Thị Hồng T2**.

Các bị cáo **Nguyễn Văn N**, **Trần Thanh T**, **Lại Thị Thu T1** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Bị cáo **Đặng Thị Hồng T2** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC; (1)
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM; (2)
- VKSND TP.HCM; (2)
- VKSND huyện Hóc Môn; (1)
- P.PC53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (4)
- TAND huyện Hóc Môn; (1)
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn; (1)
- Công an huyện Hóc Môn; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (4)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu Tòa Hình sự, hồ sơ (27). (11)

Phạm Uyên Thy